TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/DS-ST
Ngày: 10/4/2025.
V/v "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Thanh Tâm**

2. Ông **Võ Chí Sĩ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 10/4/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 811/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lương Kim V**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số nhà A, tổ I, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Xuân N**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ C, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông **Phạm Văn Đ,** sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ C, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà V có mặt; Bà N và ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lương Thị Kim V trình bày: Ngày 22/9/2022, bà Nguyễn Thị Xuân N có vay (mượn) bà V số tiền 110.000.000 đồng. Việc vay (mượn) tiền vợ chồng bà N và ông Đ có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 3.000.000 đồng/tháng, thời hạn trả sau 06 tháng vợ chồng bà N và ông Đ sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà V. Đến ngày 07/4/2023, bà N và ông Đ có trả cho bà V được số tiền 10.000.000 đồng, ngày 08/8/2024 trả được 6.000.000 đồng, còn lại số tiền 94.000.000 đồng ông Đ và bà N đến nay chưa trả. Nay bà V yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Phạm Văn Đ liên đới trả số tiền vốn 94.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 13/11/2024 là 10 tháng với số tiền 18.724.000 đồng. Tổng cộng là 112.724.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất đến khi trả nợ xong.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Lương Thị Kim V xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất là bà V yêu cầu bà N và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vốn 94.000.000đồng với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 01/4/2025 là 4.681.200đồng, tổng cộng vốn và lãi là 98.681.200đồng. Ngoài ra, bà V không yêu cầu hay yêu cầu gì thêm.

2. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

+ Biên nhận mượn tiền ngày 09/3/2022 (bản chính).

+ Biên bản ngày 22/09/2022 (bản chính).

+ Biên nhận ngày 07/4/2023 (bản chính).

- Các bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Kim V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 94.000.000 đồng và tiền lãi 4.681.200đồng (lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 01/10/2025), tổng cộng vốn và lãi là 98.681.200đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa bà Lương Thị Kim V xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì bà V không tranh chấp số tiền nào khác, trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa.

[4] Về thời hiệu, xét thấy: Hợp đồng dân sự vay tài sản được xác lập vào ngày 22/9/2022, đồng thời không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Kim V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay 94.000.000đồng với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 01/4/2025 là 4.681.200đồng, tổng cộng vốn và lãi là 98.681.200đồng (tại phiên toà bà Lương Thị Kim V xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất là chỉ yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng của số tiền 94.000.000đồng, tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 01/4/2025; xét thấy việc xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà V về phần lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận). Còn đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay 94.000.000đồng với lãi suất

0,83%/tháng tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 01/4/2025 là 4.681.200đồng, tổng cộng vốn và lãi là 98.681.200đồng là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Ngày 22/9/2022 bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Phạm Văn Đ có vay (Mượn) của bà Lương Thị Kim V số tiền 110.000.000 đồng, thời hạn trả vốn sau 06 tháng (tức đến ngày 06/3/2023) và bà N, ông Đ có ký tên, ghi rõ họ tên vào biên nhận. Đến ngày 08/8/2024, ông Đ và bà N có trả được cho bà V tổng cộng 16.000.000 đồng, còn nợ lại 94.000.000 đồng đến nay chưa trả cho bà V. Mặt khác, bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Phạm Văn Đ đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án về những yêu cầu của bà Lương Thị Kim V đối với bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Phạm Văn Đ, nhưng bà N và ông Đ không có văn bản ý kiến hay phản đối gì đối với những yêu cầu của bà V. Do đó, có đủ căn cứ xác định bà N và ông Đ còn nợ bà Lương Thị Kim V số tiền 94.000.000 đồng nên việc bà V yêu cầu bà N và ông Đ có nghĩa vụ trả số tiền vốn 94.000.000 đồng và số tiền lãi 4.681.200đồng, tổng cộng vốn và lãi là 98.681.200đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, bà Lương Thị Kim V xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì bà V không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Kim V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 98.681.200đồng, nên bà N và ông Đ phải chịu 4.934.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lương Thị Kim V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (Bà V được miễn do bà V thuộc người cao tuổi).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 275, 288, 357, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Kim V.

- Buộc bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lương Thị Kim V số tiền 98.681.200đồng (Chín mươi tám triệu sáu trăm tám mươi mốt ngàn hai trăm đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Phạm Văn Đ phải liên đới chịu 4.934.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Lương Thị Kim V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (Bà V được miễn do bà V thuộc người cao tuổi).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA (Đào).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hữu Chinh